

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **456/2020/HS-PT**

Ngày 07 tháng 12 năm 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các thẩm phán:

Bà Lê Hồng Hương

Ông Trần Nam Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 377/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo Nguyễn Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 71/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1992 tại Quảng Bình.

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Th, huyện T, tỉnh Q;

Nơi cư trú hiện nay: 246/6/5, ấp 7, xã Đ, huyện H, TP. H.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960, con bà Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1960; Có vợ là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1997; Có 01 người con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 14/02/2020, tạm giữ đến ngày 20/02/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Trong vụ án còn có đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L là người có giấy phép lái xe ô tô hạng FC, số 310170020907 do Sở Giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 16/6/2017, có giá trị sử dụng đến ngày 16/6/2022.

Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 14/02/2020, L điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 51D-195.88 kéo theo rơ moóc biển số 51R – 129.25 đi từ thị xã D, tỉnh B đến thành phố B, tỉnh L để nhận hàng. Đến 06 giờ 30 cùng ngày, khi đến Km 55 + 100m, Quốc lộ 20 thuộc địa phận ấp 3, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Đ thì L ngủ gật, không làm chủ được tay lái nên xe ô tô đầu kéo biển số 51D – 195.88 do L điều khiển chạy qua phần đường bên phải va chạm với xe mô tô biển số 60B4 – 365.00 do bà Trần Thị H, sinh năm 1977 điều khiển chở con ruột là chị Vũ Trần Thụy Lan Tr, sinh năm 2001 cùng cư trú tại ấp 6, xã G, huyện Đ, tỉnh Đ lưu thông cùng chiều phía trước.

Hậu quả: Bà H chết tại chỗ, chị Tr bị thương nhẹ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, ngoài khu vực đông dân cư, đường 02 chiều có vạch sơn đứt quãng màu vàng, phân làm 02 chiều, mỗi chiều đường rộng 05m50. Mặt đường bê tông nhựa, bằng phẳng, khô ráo.

+ Bị hại nằm sấp, chân duỗi, thân người gần vuông góc với mép đường chuẩn là 0m70, phần thân dưới và chân nằm trên phần đất bên trong của mép đường chuẩn; đầu bị hại cách trục bánh xe sau cùng bên phải của rơ moóc biển số 51R – 129.25 và cách trục bánh xe trước của xe mô tô biển số 60B4 -365.00 lần lượt là 28m20 và 3m40.

+ Xe ô tô đầu kéo biển số 51D – 195.88 kéo theo rơ moóc biển số 51R - 129.25 dừng lại trên mặt đường, đầu xe hướng về huyện T, tỉnh Đ; trục bánh xe trước bên phải và trục bánh xe sau cùng bên phải của xe đầu kéo biển số 51D – 195.88 cách mép đường chuẩn là 1m30 và 1m30; trục bánh xe trước bên trái và trục bánh xe sau cùng bên trái của xe đầu kéo biển số 51D – 195.88 cách điểm mốc là 17m70 và 21m20; trục bánh xe đầu tiên bên phải và trục bánh xe sau cùng bên phải của rơ moóc biển số 51R – 129.25 cách mép đường chuẩn là 1m10 và 1m00; trục bánh xe sau cùng bên trái của rơ moóc 51R – 129.25 cách điểm mốc là 28m80.

+ Xe mô tô biển số 60B4 – 365.00 ngã sang bên phải, trục bánh xe trước nằm trên mặt đường và cách mép đường chuẩn là 0m10, trục bánh xe sau nằm trên phần đất bên trong của mép đường chuẩn và cách mép đường chuẩn là 1m.

+ Sau khi xảy ra tai nạn hiện trường có vết chà trượt bánh xe dài 3m00, điểm đầu và điểm cuối vết chà cách mép đường chuẩn là 1m00; trục bánh xe trước cách trục bánh xe sau cùng của rơ moóc biển số 51R – 129.25 là 31m50.

+ Vết phanh bên trái của rơ moóc biển số 51R – 129.25 toàn bộ nằm trên mặt đường, hình lớp đôi, liền nét, dài 31m60 chiều hướng huyện Th đi huyện T; điểm đầu vết phanh cách mép đường chuẩn là 2m60, điểm cuối vết phanh tiếp giáp với bánh xe đầu tiên bên phải của rơ moóc biển số 51R - 129.25.

+ Vết phanh bên phải của rơ moóc biển số 51R - 129.25 toàn bộ nằm trên mặt đường, hình lớp đôi, liền nét, dài 30m70 chiều hướng huyện Th đi huyện T; điểm đầu vết phanh cách mép đường chuẩn là 0m80 và cách đầu bị hại 0m20, điểm cuối vết phanh tiếp giáp với bánh xe đầu tiên bên phải của rơ moóc biển số 51R - 129.25.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 039/TT/2020 ngày 17/02/2020, của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận nguyên nhân chết của bà Trần Thị Hường như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Đa vị trí tổn thương: đầu, vai, mặt, ngực, lưng và tay chân.

+ Đa hình thái tổn thương: Rách da cơ, xây xát da, bầm tím, vỡ sọ, rách màng não, dập não, gãy vỡ xương.

- Nguyên nhân chết: Đa chấn thương.

+ Chấn thương sọ não hở gây vỡ phức tạp xương hộp sọ và sàn sọ có nhiều mảnh rời, rách màng não, dập não và thoát toàn bộ tổ chức não ra ngoài.

+ Chấn thương mặt gây biến dạng dẹt vùng mặt. Gãy phức tạp khối xương hàm mặt.

+ Chấn thương ngực gây biến dạng sụp lồng ngực, chảy máu khoang ngực.

+ Kết hợp chấn thương gãy xương cánh tay phải, xương đùi phải và gãy 02 xương cẳng chân trái.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô biển số 60B4 – 365.00.

- 01 xe ô tô đầu kéo biển số 51D – 195.88 và 01 rơ moóc biển số 51R – 129.25.

Căn cứ bản kết luận giám định tư pháp số: 04/TTĐKXCG ngày 26/02/2020 của trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Đồng Nai, kết luận tình trạng an toàn kỹ thuật xe và tốc độ xe ô tô đầu kéo biển số 51D – 195.88 khi xảy ra tai nạn giao thông như sau:

+ Tình trạng an toàn kỹ thuật: Ngoại trừ đèn phanh, đèn lùi không hoạt động và đèn chiếu sáng xa bên phải bể vỡ. Các hệ thống phanh, hệ thống lái, hệ thống đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu, lốp xe bình thường.

+ Không có căn cứ xác định tốc độ xe ô tô biển số 51D – 195.88 khi xảy ra tai nạn.

- 01 giấy phép lái xe hạng FC số 310170020907 của bị cáo Nguyễn Văn L được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập và chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn:

- Căn cứ kết quả nồng độ cồn bằng máy của bị cáo Nguyễn Văn L sau khi xảy ra tai nạn thể hiện là 0.00 miligam/lít máu.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy:

- Căn cứ kết quả xét nghiệm chất ma túy của bị cáo Nguyễn Văn L sau khi xảy ra tai nạn: không sử dụng ma túy (âm tính).

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn L là chị Nguyễn Thị Mỹ D (vợ của bị cáo L) và đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại giao dịch vận tải Hoàng Kh là ông Hoàng Danh Kh đã bồi thường chi phí mai táng và các tổn thất liên quan đến vụ tai nạn với số tiền là 230.000.000 đồng, đại diện gia đình bị hại là chị Vũ Trần Thụy Lan Tr (con ruột của bị hại) đã nhận đủ số tiền

trên, cam kết không thắc mắc, yêu cầu gì thêm, đồng thời viết đơn bãi nại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo L.

Đối với thương tích của chị Vũ Trần Thụy Lan Tr: Ngày 21/02/2020, chị Tr làm đơn từ chối giám định thương tật.

Tại bản án số 71/2020/HSST ngày 18/08/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 23 Điều 8; Điều 9 Luật giao thông đường bộ; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L: **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án (được trừ đi thời hạn bị tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 20/02/2020).

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự trong vụ án.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 23 Điều 8; Điều 9 Luật giao thông đường bộ: Xử phạt bị cáo 18 (mười tám) tháng tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như nội dung kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin giảm án và xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị

cáo Nguyễn Văn L về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm đã xác định trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi sự việc xảy ra đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn (hộ nghèo); Đại diện hợp pháp bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Ngoài những tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã trình bày tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp 01 giấy khám bệnh theo yêu cầu của bị cáo ngày 10/9/2020 thể hiện chẩn đoán bị cáo bị ung thư dạ dày, tuy nhiên không có bệnh án, không thể hiện việc điều trị bệnh của bị cáo. Do vậy, đây không phải là căn cứ để xem xét theo yêu cầu của bị cáo. Ngoài ra bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 71/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện

Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; khoản 23 Điều 8, Điều 9 Luật giao thông đường bộ.

2. Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Văn L 18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án (được trừ đi thời hạn bị tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 20/02/2020).

Bị cáo bị xét xử về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện Định Quán (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán;
- Công an huyện Định Quán;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kiều Lương